TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 204/2017/DS-PT Ngày 08-12-2017 V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2017/TLPT-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2017/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2017/QĐ-PT, ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như A, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, đường Hồ Văn C, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số A, đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị L - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Bình Dương (được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 4530/QĐ-UBND ngày 05/7/2017) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Như A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Như A trình bày: Ngày 05/8/2002, Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ ông Nguyễn Như H diện tích đất thổ cư 245m^2 (thửa số 465, tờ bản đồ số 10), tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã T.

Thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Như H thì hộ ông Nguyễn Như H có các thành viên: ông Nguyễn Như H, bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1964; ông Nguyễn Như A, sinh năm 1966; ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1971.

Tại thời điểm hộ ông Nguyễn Như H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Như H đã ly hôn với vợ bà Nguyễn Thị U theo Quyết định số 27/QĐCNTTLH ngày 14/5/1988 của Toà án nhân dân thị xã T nên phần đất này không liên quan đến quyền lợi của bà U.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Như H thì trên đất có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu xây tường gạch. Đến năm 2005, ông Nguyễn Như H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con là ông Nguyễn Anh H. Sau khi ông Nguyễn Anh H nhận chuyển nhượng phần đất này thì ông Nguyễn Anh H đập bỏ căn nhà. Ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị Thuỳ V và bà Nguyễn Thị Kim D đi nơi khác sinh sống.

Đến năm 2007, ông Nguyễn Như H chết nhưng không để lại di chúc.

Ngày 13/6/2013, ông Nguyễn Như A khởi kiện ông Nguyễn Anh H tại Ủy ban nhân dân phường T để yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này thì được biết ông Nguyễn Như H đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Anh H nên ông Nguyễn Như A không tiếp tục khởi kiện.

Việc ông Nguyễn Như H tự ý, lén lút chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Anh H mà không có sự đồng ý của những người trong hộ nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Như H và ông Nguyễn Anh H là vi phạm pháp luật. Hiện nay phần đất này là phần đất trống.

Ông A yêu cầu:

1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Nguyễn Như H với ông Nguyễn Anh H;

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02092/QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Nguyễn Anh H ngày 30/12/2005.

Bị đơn ông Nguyễn Anh H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 245m^2 (đo đạc thực tế 224,7m^2), tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã T là của bà Châu Thị H (bà nội của ông H và ông A) cho ông Nguyễn Như H (cha của ông H và ông A)

vào năm 1976, thể hiện tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 09/4/2002 và tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất lập ngày 07/4/2002 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Cho nên phần đất này là của ông H.

Ngày 09/4/2002, ông Nguyễn Như H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 05/8/2002, Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02092/QSDĐ/H cấp cho hộ ông Nguyễn Như H. Thời điểm cấp đất cho hộ ông Nguyễn Như H thì ông Nguyễn Như H và vợ bà Nguyễn Thị U đã ly hôn.

Ngày 26/4/2005, ông Nguyễn Như H lập di chúc để lại cho ông Nguyễn Anh H phần đất này. Nhưng sau đó do ông Nguyễn Như H bị bệnh không có tiền để trị bệnh nên ông Nguyễn Như H thay đổi ý kiến là chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Anh H với số tiền 200.000.000 đồng nên hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 725/CN, ngày 20/10/2005 đã được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực và đến ngày 30/12/2005 ông Nguyễn Anh H được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này có căn nhà cấp 4 nhưng sau đó ông Nguyễn Như H chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Anh H thì ông Nguyễn Như H đã đập bỏ căn nhà này, giao đất cho ông Nguyễn Anh H. Từ năm 2005 cho đến nay ông Nguyễn Anh H trực tiếp quản lý đất và đóng thuế hàng năm cho nhà nước.

Việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Anh H với ông Nguyễn Như H là hợp pháp. Tại thời điểm ông Nguyễn Như H chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Anh H thì các anh chị em của ông Nguyễn Anh H đều biết, vì ông Nguyễn Như H có để bảng thông báo bán đất và ông Nguyễn Như H có nói với các con là ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị Kim D và bà Nguyễn Thị Thuỳ V biết nên cả gia đình đi nơi khác ở.

Ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Như A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy V trình bày*:* Bà Nguyễn Thị Thuỳ V là em ruột của ông Nguyễn Như A và ông Nguyễn Anh H. Nguồn gốc đất tranh chấp của bà Châu Thị H cho ông Nguyễn Như H nên bà V không có công sức gì đối với phần đất này. Khoảng năm 2001, anh chị em trong gia đình là bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Như A và bà Nguyễn Thị Thùy V mỗi người đi làm một nơi, không ai có công sức trên phần đất này.

Năm 2005, ông Nguyễn Như H già yếu, không có tiền sinh sống, ông Nguyễn Anh H là người lo cho ông Nguyễn Như H. Ông Nguyễn Anh H là người quản lý, sử dụng đất từ năm 2005 đến nay do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Như H.

Việc ông Nguyễn Như A khởi kiện ông Nguyễn Anh H với lý do đất cấp cho hộ gia đình là có phần của ông Như A là không đúng sự thật. Mong Tòa án giải quyết công tâm, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim D là chị ruột của ông Nguyễn Như A và ông Nguyễn Anh H. Bà Nguyễn Thị Kim D thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Anh H về nguồn gốc thửa đất tranh chấp.

Thời điểm bà Châu Thị H (bà nội của bà D) cho đất ông Nguyễn Như H (cha của bà D) thì vợ của ông H là Nguyễn Thị U (mẹ của bà D) đã chết.

Từ năm 2002 đến nay, anh chị em mỗi người một nơi, không có ai ở trên đất này.

Năm 2005, ông Nguyễn Như H già yếu, không có tiền sinh sống nên ông Nguyễn Như H chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Anh H với giá 250.000.000 đồng. Anh chị em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì.

Bà D không có sinh sống trên đất này và cũng không có công sức đóng góp nên bà D không có yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Như A là người ở không, không có việc làm, kiếm chuyện kiện ông Nguyễn Anh H là không đúng và mong Tòa án giải quyết công bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày: Ông Nguyễn Như H là chủ sử dụng phần đất có diện tích 245m^2 (đo đạc thực thế 2247m^2), thửa số 465, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T. Ông Nguyễn Như H được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02029QSDĐ/H, ngày 05/8/2002.

Ngày 20/10/2005, ông Nguyễn Như H ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Nguyễn Anh H. Hợp đồng chuyển nhượng được Uỷ ban nhân dân xã T xác nhận số 275/CN, ngày 09/11/2005.

Ngày 30/12/2005, ông Nguyễn Anh H được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02029/QSDĐ/H (chỉnh lý trang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Như H)

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2017/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như A đối với bị đơn là ông Nguyễn Anh H về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phi đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Như Anh kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng; những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp do gia đình cùng khai hoang. Năm 2002, khi cha của nguyên đơn là ông Nguyễn Như H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp cho hộ Nguyễn Như H và thời điểm đó trong hộ có nguyên đơn nên nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có một phần công sức đóng góp. Xét thấy, phần đất này có nguồn gốc của cụ Châu Thị

H để lại cho con Nguyễn Như H (cha của nguyên đơn và bị đơn). Nguyên đơn không chứng minh được có công sức đóng góp đối với phần đất này, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm đã xác minh tại Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp theo mẫu tại thời điểm năm 2002 và xác minh tại Ủy ban nhân dân thành phố T về nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Như H. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng trình bày nhiều mâu thuẫn trong lời khai, không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2017/DS- ST ngày 07/8/2017 của Toà án nhân dân thành phố T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy V, bà Nguyễn Thị Kim D và Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày: Phần đất có diện tích 224,7 m^2, toạ lạc khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương hiện nay do ông Nguyễn Anh H đang quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Anh H đã được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/12/2005 là nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Như H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Như H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Như H thì trong hộ của ông Nguyễn Như H có tên ông Nguyễn Như A (nguyên đơn); bà Nguyễn Thị Thuỳ V, bà Nguyễn Thị Kim D (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) và ông Nguyễn Anh H (bị đơn) là ông Nguyễn Như A có công khai phá phần đất này nên ông Nguyễn Như A cho rằng khi ông Nguyễn Như H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Nguyễn Anh H mà không có sự đồng ý của ông Nguyễn Như A là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Như H với ông Nguyễn Anh H là không đúng quy định pháp luật nên ông Nguyễn Như A khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Anh H với ông Nguyễn Như H và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh H.

Phía ông Nguyễn Anh H khai rằng: Phần đất 224,7m^2 toạ lạc khu A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của bà Châu Thị H là mẹ của ông Nguyễn Như H cho ông Nguyễn Như H vào năm 1976, chứ phần đất này không phải do khai phá mà có như lời khai của ông Nguyễn Như A nên không có công sức đóng góp của các con ông Nguyễn Như H là ông Nguyễn Như A; bà Nguyễn Thị Thuỳ V, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Anh H. Sau khi ông Nguyễn Như H được bà Châu Thị H tặng cho phần đất này thì đến năm 2002 ông Nguyễn Như Hoàng xin đăng ký kê khai đất và được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005, ông Nguyễn Như H chuyển nhượng

phần đất này cho ông Nguyễn Anh H có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T và ông Nguyễn Anh H được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho nên từ năm 2005 cho đến nay phần đất này ông Nguyễn Anh H là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Anh H xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Như H với ông Nguyễn Anh H là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, ông Nguyễn Anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như A.

[3] Qua lời khai của các đương sự cùng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất lập ngày 07/4/2002; Biên bản kiểm tra địa chính và khảo sát hiện trạng diện tích sử dụng đất lập ngày 13/6/2002 và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 15/5/2002 và Tờ trình số 944/TT.GCN ngày 26/7/2002 đều thể hiện nội dung đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Châu Thị H cho con là ông Nguyễn Như H, ông Nguyễn Như H là chủ sử dụng phần đất này từ năm 1976 cho đến nay. Điều này được chính quyền địa phương phường T xác nhận vào các chứng cứ đã nêu trên. Tuy nhiên, ông Nguyễn Như A khai rằng phần đất này có công ông khai phá nhưng ông Nguyễn Như A không đưa ra được chứng cứ để bác bỏ các chứng cứ xác định nguồn gốc đất của bà Châu Thị H nên lời khai của ông Nguyễn Như A là không có căn cứ chấp nhận. Chính vì, ông Nguyễn Như A cho rằng phần đất này có công ông khai phá nên việc Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Như H là có công sức đóng góp của ông. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân phường T và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T xác định thời điểm năm 2002 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Như H đều cấp cho hộ là do theo mẫu. Do đó, ý kiến của Ủy ban nhân dân phường T và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T về việc cấp đất cho cá nhân ông Nguyễn Như H là hoàn toàn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đồng thời phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Thuỳ V, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Anh H. Như vậy, đủ căn cứ xác định đất này của ông Nguyễn Như H thì ông Nguyễn Như H được quyền chuyển nhượng phần đất này cho bất cứ ai. Cho nên việc ông Nguyễn Như H chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Nguyễn Anh H được Ủy ban nhân nhân xã T chứng thực là phù hợp với quy định tại Điều 691 và Điều 707 của Bộ luật Dân sự nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Như H với ông Nguyễn Anh H là hợp pháp. Cho nên ông Nguyễn Như A yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Anh H và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Như H với ông Nguyễn Anh H là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như A là có căn cứ.

[4] Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân nhân thị xã T cấp cho ông Nguyễn Như H vào ngày 05/8/2002 thì thời điểm này ông Nguyễn Như H và bà Nguyễn Thị U đã ly hôn 14 năm. Cho nên quyền sử dụng đất này không có liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị U. Bà Nguyễn Thị U chết năm 2013.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Như A yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Như H trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Như H lập ngày 15/5/2002. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu giám định của ông Nguyễn Như A là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án, bởi lẽ hồ sơ cấp đất

cho ông Nguyễn Như H đều thể hiện phần đất này là của ông Nguyễn Như H nên việc Uỷ ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Như H là phù hợp, đúng đối tượng. Đồng thời các đương sự thừa nhận đất của ông Nguyễn Như H thì không cần thiết phải giám định chữ ký của ông Nguyễn Như H trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 15/5/2002 xem có phải chữ ký của ông Nguyễn Như H hay không?. Cốt lõi giải quyết vụ án này là xem phần đất này có công sức đóng góp của ông Nguyễn Như A hay không?. Do đó, việc giám định hay không giám định chữ ký của ông Nguyễn Như H trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 15/5/2002 là không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án thì không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Như A.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Như A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Như A phải nộp theo qui định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Như A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2017/DS-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Như A phải nộp số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0001492 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. T;
- TAND TP.T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp